

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2023/HNGĐ-PT**

Ngày 05-9-2023

“Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hữu Vinh**

Các Thẩm phán:

Bà **Thái Thị Phi Yên**

Ông **Ngô Hà Nam**

-Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thùy Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Ngô Văn Hùng** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 09 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2023/HNGĐ-PT ngày 01 tháng 08 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 12/2023/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2023/QĐXX-PT ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lương Thị Thu T**, sinh năm 1981

Địa chỉ: 51 A 18, tổ 66, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng – Có mặt;

2. Bị đơn: Ông **Trần Minh C**, sinh năm 1977

Địa chỉ: 51 A 18, tổ 66, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng – Có mặt.

3. Người kháng cáo: Bà **Lương Thị Thu T** – Là nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Nguyên đơn bà Lương Thị Thu T trình bày:***

– Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Minh C kết hôn với nhau vào năm 2004 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, quận Sơn T, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chuyển về sống tại tổ 66, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn về mọi mặt. Hiện nay hai vợ chồng không còn hòa hợp với nhau, nên bà bà cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Trần Minh C.

– Về con chung: Bà xác định bà và ông Trần Minh C có 02 con chung tên là Trần Lương H, sinh ngày 13/6/2007 và Trần Lương L, sinh ngày 30/10/2008. Ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi các con đủ 18 tuổi và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho mỗi cháu.

– Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

– Về nợ chung: Không có.

*** Bị đơn ông Trần Minh C trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông xác nhận thời gian và địa điểm kết hôn như bà T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại tổ 66, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Trong suốt quá trình chung sống vợ chồng đôi khi cũng có cãi nhau, nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn.

– Về con chung: Ông xác định ông và bà Lương Thị Thu T có hai con chung tên là Trần Lương H, sinh ngày 13/6/2007 và Trần Lương L, sinh ngày 30/10/2008. Nếu bà T nhất quyết ly hôn thì cho các con tự lựa chọn ở với ba hoặc mẹ, nếu các con ở với mẹ thì tôi cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng mỗi cháu.

– Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

– Về nợ chung: Không có.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm số 12/2023/HNGĐ-ST ngày 27/6/2023 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Không chấp nhận đơn xin ly hôn của Lương Thị Thu T đối với ông Trần Minh C. Bà Lương Thị Thu T và ông Trần Minh C sống đoàn tụ nuôi dạy con cái khôn lớn, trưởng thành.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Bà Lương Thị Thu T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa lại bản án đã được tuyên ở cấp sơ thẩm, yêu cầu chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Lương Thị Thu T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà.

Ông Trần Minh C đồng ý với nội dung kháng cáo của bà T. Ông bà thỏa thuận nội dung giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông C đồng ý thuận tình ly hôn với bà T.

- Về con chung: Ly hôn, bà T trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Lương H, sinh ngày 13/6/2007, ông C trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Lương L, sinh ngày 30/10/2008. Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- Về tài sản chung: Ông C bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông C bà T xác định không có.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:* Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào sự thỏa thuận của các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc ông C và bà T thuận tình ly hôn; về con chung bà T trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Lương H, sinh ngày 13/6/2007, ông C trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Lương L, sinh ngày 30/10/2008, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai; về tài sản chung ông C bà T tự thỏa thuận; về nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Lương Thị Thu T kháng cáo. Đơn kháng cáo của bà T là hợp lệ về hình thức và nội dung, phù hợp với quy định pháp luật. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý và giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung: Bà Lương Thị Thu T và ông Trần Minh C đăng ký kết hôn vào ngày 29/11/2004 tại UBND phường Đ, quận Sơn T, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là theo bà T do không hòa hợp về tính cách, mẫu

thuần kéo dài nên không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Minh C. Tại giai đoạn sơ thẩm, ông C không đồng ý ly hôn và có nguyện vọng được đoàn tụ.

[3] Xét kháng cáo của bà Lương Thị Thu Hà:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo. Bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hòa giải được, mục đích hôn nhân không đạt được nên mong muốn được ly hôn với ông Trần Minh C.

Tại đơn trình bày gửi Tòa án ngày 25/8/2023 và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Minh C đồng ý thuận tình ly hôn với bà Lương Thị Minh T. Ly hôn, ông C và bà T thỏa thuận giao con Trần Lương H, sinh ngày 13/6/2007 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông C trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Lương L, sinh ngày 30/10/2008 cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Xét thấy sự thỏa thuận của bà T và ông C là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của hai đương sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về tài sản chung: Ông C và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập đến.

Về nợ chung: Ông C và bà T xác định không có nên HĐXX không đề cập đến.

[4] Do sửa bản án nên bà Lương Thị Thu T không chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa bản án số 12/2023/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng

Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lương Thị Thu T và ông Trần Minh C.

2. Về con chung:

- Giao con chung tên Trần Lương H, sinh ngày 13/6/2007 cho bà Lương Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Giao con chung tên Trần Lương L, sinh ngày 30/10/2008 cho ông Trần Minh C trực tiếp nuôi dưỡng.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo qui định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm:

Bà Lương Thị Thu T không phải chịu án phí. Hoàn lại cho bà T 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009548 ngày 06/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Chi cục THADS TP. Đà Nẵng;
- TAND quận S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Hữu Vinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**Các Thẩm phán****Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa****Ngô Hà Nam****Thái Thị Phi Yến****Trần Hữu Vinh**

